

Số: 909 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Thông tư 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; Quyết định số 281/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược Quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (VSMTNT) đến năm 2020;

Căn cứ các Quyết định số 4295/QĐ-UBND ngày 30/12/2008; Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 17/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và VSMTNT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Xét đề nghị tại Báo cáo thẩm định ngày 09/3/2012 của Hội đồng thẩm định dự án Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và VSMTNT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 được thành lập theo Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 50/TTr-SNN&PTNT ngày 26/3/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và VSMTNT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, bao gồm các nội dung sau:

I. Phạm vi và đối tượng quy hoạch

1. Phạm vi quy hoạch

Tất cả các vùng nông thôn thuộc 24 huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trong đó ưu tiên cho những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu

số, vùng ven biển, vùng cạn kiệt nguồn nước, vùng kinh tế khó khăn, vùng có tỷ lệ dân cư được cấp nước sạch và vệ sinh thấp.

2. Đối tượng quy hoạch

Người dân nông thôn và những người sống ở nông thôn, nhà trẻ, trường học, trạm y tế, chợ, các công trình công cộng thuộc địa bàn nông thôn cần đáp ứng các nhu cầu về sử dụng nước sạch và các điều kiện vệ sinh.

II. Mục tiêu quy hoạch

1. Mục tiêu tổng quát

Hiện thực hoá Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và VSMTNT đến năm 2020. Nâng cao sức khoẻ và chất lượng sống cho người dân nông thôn thông qua cải thiện điều kiện cung cấp nước sạch, vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi tập quán vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

2. Mục tiêu chung

Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và VSMTNT đáp ứng mục tiêu của Chiến lược Quốc gia về cấp nước và VSMTNT; làm cơ sở cho việc lập kế hoạch đầu tư và quản lý khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt và VSMTNT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020

3. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2015:

+ Về cấp nước: 95% dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó có 50% sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn quốc gia với số lượng ít nhất là 60 lít/người/ngày.

+ Về vệ sinh môi trường: 70% số hộ gia đình ở nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh; 70% số hộ chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh.

+ Hầu hết các trường học mầm non và phổ thông, trạm y tế xã ở nông thôn đủ nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh và được quản lý, sử dụng tốt.

- Đến năm 2020:

Tất cả dân cư nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc gia với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày và sử dụng hố xí hợp vệ sinh nhờ huy động cộng đồng tham gia mạnh mẽ và áp dụng cách tiếp cận dựa vào nhu cầu.

Hầu hết dân cư nông thôn thực hành tốt vệ sinh cá nhân và giữ sạch vệ sinh môi trường làng xã nhờ các hoạt động Thông tin - Giáo dục - Truyền thông.

III. Phân vùng quy hoạch

1. Về cấp nước sinh hoạt: Được chia làm 02 vùng. Vùng thuộc các huyện miền núi và Vùng thuộc các huyện miền xuôi. Trong đó:

- Vùng miền núi, gồm các huyện: Thạch Thành, Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân, Thường Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, với tổng số 196 xã. Trong đó có 102 xã có điều kiện cấp nước sinh hoạt khó khăn

- Vùng miền xuôi, gồm các huyện: Nông Công, Thọ Xuân, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Yên Định, Thiệu Hóa, Đông Sơn, Hà Trung, Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoàng Hóa, Quảng Xương, Tĩnh Gia, với tổng số 410 xã. Trong đó có 127 xã có điều kiện cấp nước sinh hoạt khó khăn.

2. Về vệ sinh và môi trường nông thôn

Được phân thành 4 vùng, cụ thể như sau:

- Vùng I (các xã thuộc vùng miền núi cao), gồm 196 xã thuộc các huyện: Thạch Thành, Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân, Thường Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát.

- Vùng II (các xã thuộc vùng trung du, núi thấp), gồm 52 xã thuộc các huyện: Nông Công, Thọ Xuân, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Tĩnh Gia.

- Vùng III (các xã thuộc vùng đồng bằng), gồm 317 xã thuộc các huyện: Nông Công, Thọ Xuân, Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Yên Định, Thiệu Hóa, Đông Sơn, Hà Trung, Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoàng Hóa, Quảng Xương, Tĩnh Gia;

- Vùng IV (các xã thuộc vùng ven biển), gồm 41 xã thuộc các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoàng Hóa, Quảng Xương, Tĩnh Gia.

IV. Giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Quy hoạch cấp nước sinh hoạt

a. Đối với các vùng huyện miền núi: Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung; xây dựng bể chứa nước mưa; cải tạo giếng đào;

b. Đối với các vùng huyện miền xuôi: Xây dựng hệ thống cấp nước tập trung; cải tạo giếng khoan; cải tạo giếng đào.

(Phụ lục 1: Nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt theo địa bàn các huyện)

c. Công trình cần sửa chữa, nâng cấp và làm mới phân theo giai đoạn đầu tư.

Tổng số công trình cần sửa chữa, nâng cấp và làm mới: 381.838 công trình, được chia thành hai giai đoạn như sau:

- Giai đoạn I: Từ nay đến năm 2015

Đầu tư sửa chữa và nâng cấp và làm mới 161.867 công trình, trong đó có: 57.251 công trình giếng khoan; 96.112 công trình giếng đào; 8.327 công trình sử dụng nước mưa; 59 công trình sử dụng nước sông suối hồ và 118 công trình nước tập trung.

* Ưu tiên đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt sau:

+ Công trình cấp nước sinh hoạt cho các thôn (xã) thuộc Chương trình 134, gồm 327 thôn;

+ Công trình cấp nước cho các xã có giếng khoan, giếng đào bị nhiễm Asen vượt giới hạn cho phép, gồm 49 xã;

+ Công trình cấp nước thuộc các xã vùng ven biển bị nhiễm nước mặn, gồm 46 xã;

+ Công trình cấp nước thuộc các cạn kiệt nguồn nước, gồm 47 xã.

(Phụ lục 2: Các xã ưu tiên đầu tư phát triển cấp nước và dự kiến nguồn nước khai thác)

- Giai đoạn II: Từ năm 2016 đến năm 2020

Đầu tư sửa chữa và nâng cấp 219.971 công trình gồm: 109.970 công trình giếng khoan; 96.599 công trình giếng đào; 13.072 công trình sử dụng nước mưa; 164 công trình sử dụng nước sông suối hồ và 166 công trình nước tập trung.

2. Quy hoạch vệ sinh môi trường nông thôn

a. Giải pháp về nhà tiêu hợp vệ sinh

Cô lập phân người, ngăn không cho phân chửa qua xử lý tiếp xúc với người, động vật và côn trùng; có biện pháp tiêu diệt được tác nhân gây bệnh có trong phân đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế.

Các loại nhà tiêu hợp vệ sinh gồm: Nhà tiêu tự hoại, nhà tiêu thấm dội nước, nhà tiêu hai ngăn, nhà tiêu chìm có ống thông hơi. Định hướng sử dụng ở từng vùng như sau:

- Đối với khu vực thị trấn, thị tứ, ven đường quốc lộ, khu vực đông dân cư có điều kiện phát triển kinh tế: Sử dụng nhà tiêu loại tự hoại, thấm dội nước.

- Đối với khu vực đồng bằng: Sử dụng nhà tiêu loại thấm dội, hai ngăn và nhà tiêu chìm có ống thông hơi.

- Đối với khu vực dân sống ở vùng núi cao, vùng khan hiếm nước: Sử dụng nhà tiêu loại chìm có ống thông hơi hoặc nhà tiêu hai ngăn.

- Đối với các vùng nông thôn thuộc vùng bị ngập lụt, có mực nước ngầm cao: Sử dụng nhà tiêu loại tự hoại.

b. Giải pháp chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh

Chuồng trại chăn nuôi có mái che, nền gia cố tạo độ dốc (1 - 3)% để thoát nước phân xuống hố. Hố ủ phân có nắp đậy và có chất phụ gia để tạo phân bón cho cây trồng và làm giảm ảnh hưởng của phân bón tới vệ sinh môi trường, sức khỏe con người.

Đối với các chuồng trại từ 5 con lợn trở lên xây dựng hầm Biogas để kết hợp tạo khí đốt.

Các loại hình giải pháp xử lý VSMTNT phân theo từng vùng như sau:

- Vùng I: Xây dựng công trình và xử lý chất thải bằng phương pháp ủ phân khô.
- Vùng II: Xây dựng chuồng trại ở xa nhà dân và xử lý chất thải bằng cách ủ phân khô; áp dụng mô hình xử lý chuồng trại bằng hầm Biogas
- Vùng III và vùng IV: Sử dụng phương pháp xử lý phân ủ khô và áp dụng mô hình xử lý chuồng trại bằng hầm Biogas

c. Công trình cần sửa chữa, nâng cấp và làm mới phân theo giai đoạn đầu tư.

Tổng số công trình cần sửa chữa, nâng cấp và làm mới: 1.093.400 công trình, được chia thành hai giai đoạn như sau:

- Giai đoạn I: Từ nay đến năm 2015

Đầu tư sửa chữa và nâng cấp và làm mới 540.615 công trình hợp vệ sinh, trong đó có: 270.255 công trình nhà tiêu; 269.858 công trình chuồng trại; 775 công trình cơ sở công cộng

- Giai đoạn II: Từ năm 2016 đến năm 2020

Đầu tư sửa chữa và nâng cấp 552.758 công trình hợp vệ sinh gồm: 236.908 công trình nhà tiêu; 315.877 công trình chuồng trại.

VI. Tổng mức đầu tư, phân kỳ đầu tư và cơ cấu vốn:

1. Tổng mức đầu tư và cơ cấu vốn:

a. Tổng mức đầu tư: 2.758 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí cho các công trình cấp nước sinh hoạt: 2.412 tỷ đồng;
- Kinh phí các công trình vệ sinh môi trường: 146 tỷ đồng;
- Kinh phí cho sự nghiệp: 200 tỷ đồng.

b. Cơ cấu vốn

- Ngân sách trung ương: 462 tỷ đồng;
- Viện trợ quốc tế: 72 tỷ đồng;
- Huy động trong dân: 504 tỷ đồng;
- Tín dụng ưu đãi: 964 tỷ đồng;
- Tư nhân tham gia đầu tư: 456 tỷ đồng.

2. Phân kỳ đầu tư

2.1. Giai đoạn I: Từ nay đến năm 2015.

a. Tổng số kinh phí yêu cầu: 961 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí cho các công trình cấp nước sinh hoạt: 822,591 tỷ đồng;
- Kinh phí các công trình vệ sinh môi trường: 38,409 tỷ đồng;
- Kinh phí cho sự nghiệp: 100 tỷ đồng.

b. Cơ cấu nguồn vốn

- Ngân sách trung ương: 192 tỷ đồng;
- Viện trợ quốc tế: 192 tỷ đồng;
- Huy động trong dân: 144 tỷ đồng;
- Tín dụng ưu đãi: 337 tỷ đồng;
- Tư nhân tham gia đầu tư: 96 tỷ đồng.

2.2. Giai đoạn II: Từ năm 2016 đến năm 2020

a. Tổng số vốn yêu cầu: 1.797 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí cho các công trình cấp nước: 1.589,376 tỷ đồng;
- Kinh phí các công trình vệ sinh môi trường: 107,624 tỷ đồng;
- Kinh phí cho sự nghiệp: 100 tỷ đồng.

b. Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách trung ương: 270 tỷ đồng;
- Viện trợ quốc tế: 180 tỷ đồng;
- Huy động trong dân: 360 tỷ đồng;
- Tín dụng ưu đãi: 627 tỷ đồng;
- Tư nhân tham gia đầu tư: 360 tỷ đồng.

3. Giải pháp về vốn.

- Huy động nguồn vốn thực hiện cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn của các cấp, ngành và các tổ chức quốc tế bằng nhiều nguồn vốn như: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, hỗ trợ của UNICEF, WB, ADB và vốn của tổ chức Plan...

- Phát huy nội lực trong tình tạo cơ sở pháp lý để khuyến khích sự tham gia của người dân, các thành phần kinh tế - xã hội đầu tư cho lĩnh vực cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; tạo cơ sở pháp lý thuận lợi, hấp dẫn để thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, kinh doanh các dịch vụ cũng như công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực cấp nước và vệ sinh nông thôn. Tăng cường truyền thông, vận động, hướng dẫn, khuyến khích người dân tự bỏ kinh phí hoặc vay tín dụng ưu đãi để xây dựng và quản lý sử dụng công trình cấp nước và vệ sinh.

- Triển khai sâu rộng hơn nữa chương trình tín dụng ưu đãi theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Lồng ghép với các Chương trình, dự án khác để thu hút thêm nguồn đầu tư cho nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

Điều 2. Quy hoạch được phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan xây dựng các kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với quy hoạch từng ngành, từng lĩnh vực liên quan và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PgNN.



Nguyễn Đức Quyền

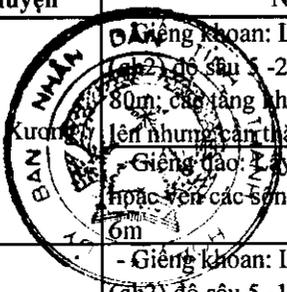
Phụ lục 1: DƯỚI NƯỚC CUNG CẤP CHO SINH HOẠT THEO ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số: 909/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	Tên huyện	Nguồn nước ngầm	Nguồn nước mặt
1	Thạch Thành	<p>Giếng khoan: Lấy nước trong các tầng khe nứt, casto, độ sâu 80m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết.</p> <p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: sông Bưởi; các suối; hồ Đồng Ngự, hồ Bình Công, hồ Đồng Phú, hồ Tây Trác, hồ Đồng Múc, hồ Bai Mường, hồ K32 và các hồ đập nhỏ
2	Bá Thước	<p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: sông Mã; Các suối; hồ thủy điện Bá Thước I và II, Đập Cọc, hồ Hang Cá, hồ Bo Thượng, hồ Đền, hồ Suối, hồ Làng Dốc và các hồ đập nhỏ
3	Cẩm Thủy	<p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: sông Mã; các suối; hồ Duồng Cốc, hồ Thung Bằng và các hồ đập nhỏ
4	Lang Chánh	<p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: sông Âm; các suối; hồ Chùa Mon và các hồ đập nhỏ
5	Ngọc Lặc	<p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: sông Âm, sông Cầu Chày; Kênh Bắc Cửa Đạt; Các suối; hồ Cổng Khê, hồ Minh Hoà, hồ Ngọc Phú và các hồ đập nhỏ
6	Như Thanh	<p>Giếng khoan: Lấy nước trong các tầng khe nứt, casto, độ sâu 60m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết.</p> <p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: sông Mực; các suối; hồ Sông Mực, hồ Yên Mỹ, hồ Đồng Bể, hồ Đồng Chùa, hồ Khe Lau, hồ Mỏ Chu và các hồ đập nhỏ
7	Như Xuân	<p>Giếng khoan: Lấy nước trong các tầng khe nứt, casto, độ sâu 60m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết.</p> <p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: các suối; hồ đập lớn và vừa: hồ Bùa Rằm, hồ Ao Bền, đập Chòm Chuối, hồ Đầm hạc, hồ Thanh Vân và các hồ đập nhỏ
8	Thường Xuân	<p>Giếng khoan: Lấy nước trong các tầng khe nứt, casto, độ sâu 60m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết.</p> <p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc các mạch lộ ở sườn núi; ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: Sông Đạt, sông Đản, sông Chu, sông Âm; Kênh Bắc Cửa Đạt; Các suối; hồ đập lớn và vừa: hồ Cửa Đạt, hồ Hón Cáy, đập Bái Thượng, hồ Nà Nghịu, hồ Hón Trác và các hồ đập nhỏ
9	Quan Hoá	<p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: Sông Mã; sông Luông, sông Lò, các suối; hồ thủy điện Trung Sơn, hồ thủy điện Hồi Xuân và các hồ đập nhỏ
10	Quan Sơn	<p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: Sông Lò, các suối; các hồ đập nhỏ
11	Mường Lát	<p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2), các mạch lộ ở sườn núi hoặc ven các suối, ao, hồ, đập; độ sâu từ 1 - 15m</p>	Bơm dẫn nước hoặc tự chảy: Lấy nước từ Sông Mã; các suối; các hồ đập nhỏ
12	Nông Cống	<p>Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 - 15m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 70m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết.</p> <p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 4 - 10m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Nhôm, sông Mực, sông Thị Long, Kênh Nam Bái Thượng, Kênh N8 Bái Thượng, Kênh Nam Sông Mực; Kênh Bắc Sông Mực; hồ Yên Mỹ, hồ Cồn Cát, hồ Đồng Nấp, hồ Đồng Húng và các hồ đập nhỏ
13	Thọ Xuân	<p>Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 - 15m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 70m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết.</p> <p>- Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 4 - 10m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Chu, sông Cầu Chày, sông Dừa, kênh Bắc hồ Cửa Đạt, Kênh chính Bái Thượng; đập Làng Lau và các hồ đập nhỏ

TT	Tên huyện	Nguồn nước ngầm	Nguồn nước mặt
14	Thịệu Sơn	 <p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 -30m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 70m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 4 - 15m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Nhôm, sông Hoàng, Kênh Nam Bái Thượng, kênh C6; hồ Ngọc Vành, hồ Sông Mốc và các hồ đập nhỏ
15	Vĩnh Lộc	<p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 -30m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 70m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 4 - 10m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Mã; sông Bưởi; các hồ đập lớn và vừa: hồ Mang Mang, hồ Hón Chè, hồ Đồng Mực và các hồ đập nhỏ
16	Yên Định	<p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 -15m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 70m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 4 - 10m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Mã; sông Cầu Chày
17	Thiệu Hóa	<p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 -15m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 70m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 4 - 10m</p>	Sông Mã; sông Chu, sông Mạo Khê; kênh Bắc Bái Thượng
18	Đông Sơn	<p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 -15m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 70m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 4 - 10m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Nhà Lê; sông Vinh, sông Lý; kênh Bắc Bái Thượng
19	Hà Trung	<p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 -25m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 90m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 4 - 10m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Lèn; sông Tống, sông Hoạt, sông Man Bào, sông Tam Điệp; hồ Bến Quán và các hồ đập nhỏ
20	Nga Sơn	<p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 -15m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 80m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 3 - 6m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Lèn; sông Hoạt, kênh Hưng Long
21	Hậu Lộc	<p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 10 -15m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 70m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 3 - 6m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Lèn; sông Tào Xuyên, sông Trà Giang, kênh 10 xã
22	Hoàng Hóa	<p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 5 -15m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 20 - 70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 80m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 3 - 6m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Mã; sông Tào Xuyên, kênh Trạm bơm Hoàng Khánh

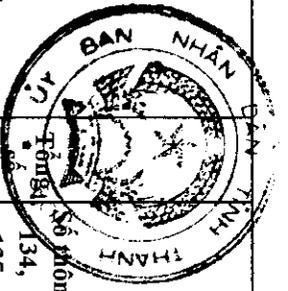
TT	Tên huyện	Nguồn nước ngầm	Nguồn nước mặt
23	Quảng Xuyên	 <p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 5 -20m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 -80m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 90m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 3 - 6m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Mã; sông Lý, kênh Bắc Bái Thượng
24	Tĩnh Gia	<p>- Giếng khoan: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) độ sâu 5 -15m; Pleistoxen (qp) độ sâu từ 30 -70m; các tầng khe nứt, casto độ sâu từ 70m trở lên nhưng cần thăm dò địa vật lý chi tiết. - Giếng đào: Lấy nước trong tầng Holoxen (qh2) hoặc ven các sông, suối, ao, hồ, đập; độ sâu 3 - 6m</p>	Bơm dẫn nước: Lấy nước từ sông Thị Long; hồ Yên Mỹ, hồ Bông Bông, hồ Kim Giao, hồ Khe Đồi, hồ Hao Hao, hồ Thung Sâu và các hồ đập nhỏ

Phụ lục 2: CÁC XÃ ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CẤP NƯỚC VÀ DỰ KIẾN NGUỒN NƯỚC KHAI THÁC

(Kèm theo Quyết định số: 909/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh)



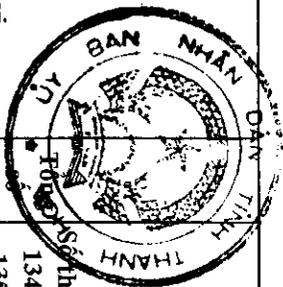
Số TT	Đơn vị	Tổng số công trình	Số thôn 134, 135 cần XD CTGN	Xã khó khăn về nguồn nước			(8)	(9)
				Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tổng số	469	327	49	46	47		
I	Huyện Mường Lát	34	34	0	0	0		
1	Thị trấn M-ường Lát (Khu định cư- tránh lũ)		1				Sông Mã; Suối Nà Tào	Khu vực Mường Lát có các hệ tầng chứa nước: E2sm, E3-O1h, C-Pbs, nhưng chi phân bố thành dải hẹp ở biên giới Việt Lào và hầu hết không trùng với những khu vực cần cấp nước. Việc khai thác nước ngầm ở Mường Lát phục vụ sinh hoạt là không khả thi.
2	Xã Trung Lý		10				Sông Mã; các khe, suối, các đập nhỏ tại chỗ và gần kề	
3	Xã Mư-ường Lý		5				Sông Mã; các khe, suối, các đập nhỏ tại chỗ và gần kề	
4	Xã Pù Nhi		4				Các khe, suối, các đập nhỏ tại chỗ và gần kề	
5	Xã Nhi Sơn		2				Các khe, suối, các đập nhỏ tại chỗ và gần kề	
6	Xã Tam Chung		2				Các khe, suối, các đập nhỏ tại chỗ và gần kề	
7	Xã Quang Chiêu		4				Suối Sim; các khe, suối, các đập nhỏ tại chỗ và gần kề	
8	Xã M-ường Chanh		2				Các khe suối, các đập nhỏ tại chỗ và gần kề	
9	Xã Tền Tàn		4				Sông Mã; các khe suối, các đập nhỏ tại chỗ và gần kề	
II	Huyện Quan Hoá	55	55	0	0	0		
1	Xã Trung Sơn		4				Sông Mã; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
2	Xã Phú Xuân		2				Sông Mã; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong các hệ tầng: C-Pbs; D2bp trước khi lập DA cấp nước
3	Xã Năm Tiến		5				Sông Luông; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm



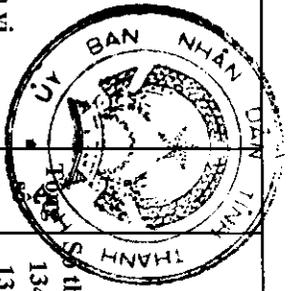
Số TT	Đơn vị	Số thôn 134, Tống Bại 135	Số thôn CTCN	Xã khó khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung
				Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng bị nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt	
4	Xã Thanh Xuân		4			Sông Mã; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
5	Xã Hiền Chung		6			Suối Khiết; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
6	Xã Thành Sơn		6			Sông Mã; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
14	Xã Trung Thành		6			Sông Mã; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
15	Xã Nam Xuân		6			Sông Luông; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
16	Xã Nam Đông		6			Sông Luông; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs trước khi lập DA cấp nước
17	Xã Thiên Phú		3			Suối Khiết; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
18	Xã Hiền Kiệt		4			Suối Khiết; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
19	Xã Phú Nghiêm		3			Sông Mã; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2bp trước khi lập DA cấp nước
III	Huyện Quan Sơn	32	32	0	0		
1	Xã Trung Xuân		3			Sông Lò; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
3	Xã Trung Thượng		2			Sông Lò; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2bp trước khi lập DA cấp nước
4	Xã Trung Tiến		3			Sông Lò; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2bp trước khi lập DA cấp nước
5	Xã Sơn L-r		5			Sông Lò; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
7	Xã Sơn Hà		1			Sông Lò; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
8	Xã Tam Thanh		3			Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
9	Xã Sơn Điện		4			Sông Luông; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
10	Xã Mư-ông Mìn		3			Sông Luông; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm

Nước mặt

Nước ngầm



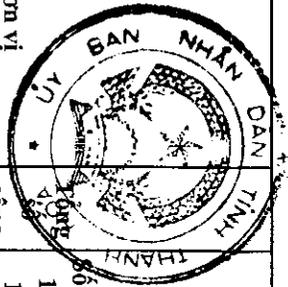
Số TT	Đơn vị	Số thôn 134, 135	Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mận, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt	Xã khó khăn về nguồn nước		Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung	
						Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mận, nguồn nước quá xa		
11	Xã Sơn Thuy		4					Nước mặt	Nước ngầm
12	Xã Na Mèo		4					Sông Luông; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
IV	Huyện Bá Thước	36	36	0	0	0			
1	Xã Văn Nho		1					Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
2	Xã Thiết Kế		3					Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
3	Xã Ban Công		1					Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2np trước khi lập DA cấp nước
4	Xã Thành Lâm		2					Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
5	Xã Lăng Niêm		6					Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
6	Xã Cổ Lũng		2					Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
7	Xã Diên Quang		5					Suối Muôn; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs trước khi lập DA cấp nước
8	Xã Diên Thương		2					Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2np trước khi lập DA cấp nước
9	Xã Lương Trung		2					Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs trước khi lập DA cấp nước
10	Xã Thiết Ống		4					Sông Mã; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E3-O1hr trước khi lập DA cấp nước
11	Xã Ái Th-ương		4					Sông Mã; Các khe suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E3-O1hr trước khi lập DA cấp nước



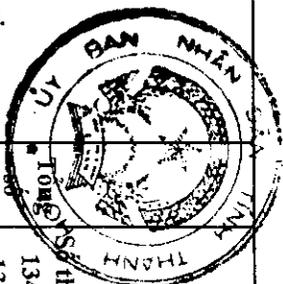
Số TT	Đơn vị	Số thôn 134, 135 công trình cần XD CTCN	Xã khó khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung
			Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt	
12	Xã Kỳ Tân	4				Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E3-O1hr trước khi lập DA cấp nước
V	Huyện Lang Chánh	32	0	0	0	
1	Xã Quang Hiến	5				Không khai thác được nước ngầm
2	Xã Tân Phúc	2				Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E3-O1hr và E2sm trước khi lập DA cấp nước
3	Xã Trí Nang	2				Không khai thác được nước ngầm
4	Xã Tam Văn	3				Không khai thác được nước ngầm
5	Xã Giao An	3				Không khai thác được nước ngầm
6	Xã Giao Thiện	4				Không khai thác được nước ngầm
7	Xã Yên Thắng	6				Không khai thác được nước ngầm
8	Xã Yên Khương	5				Không khai thác được nước ngầm
9	Xã Lâm Phú	2				Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E3-O1hr và E2sm trước khi lập DA cấp nước
VI	Huyện Ngọc Lặc	19	0	0	0	
1	Xã Minh Tiến	3				Không khai thác được nước ngầm
2	Xã Ngọc Khê	2				Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs và D2bp trước khi lập DA cấp nước
5	Xã Mỹ Tân	4				Không khai thác được nước ngầm
6	Xã Quang Trung	3				Không khai thác được nước ngầm
8	Xã Thạch Lập	3				Không khai thác được nước ngầm

Nước mặt

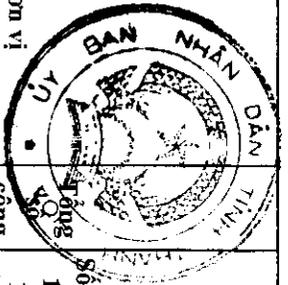
Nước ngầm



Số TT	Đơn vị	Số thôn 134, 135 cán XD CTCN	Xã kho khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung
			Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt	
9	Xã Phùng Giáo	3			Sông Âm; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
10	Xã Phúc Thịnh	4			Sông Âm; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
VII	Huyện Thường Xuân	20	0	0		
1	Xã Luân Thành	3			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
2	Xã Vạn Xuân	3			Sông Đát; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2act2 trước khi lập DA cấp nước
4	Xã Xuân Lệ	4			Sông Đát; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
6	Xã Luân Khê	3			Sông Đản; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
7	Xã Lư-ong Sơn	3			Sông Âm; Kênh bắc Cửa Đát; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
8	Xã Xuân Lộc	3			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2act2 trước khi lập DA cấp nước
9	Xã Ngọc Phùng	1			Sông Âm; Kênh bắc Cửa Đát; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
VIII	Huyện Như Xuân	22	0	0		
1	Xã Thanh Xuân	4			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2act2 trước khi lập DA cấp nước
2	Xã Thanh Quan	2			Sông Chang; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2act2 trước khi lập DA cấp nước
3	Xã Thanh phong	5			Sông Chang; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2act2 trước khi lập DA cấp nước



Số TT	Đơn vị	Số thôn 134, 135 cán XD CTCN	Xã khó khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung
			Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cận kiệt	
4	Xã Thanh Lâm	2			Sông Chàng; Các suối; các hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2ađt2 trước khi lập DA cấp nước
5	Xã Thanh Sơn	4			Các suối; các hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2ađt2 trước khi lập DA cấp nước
6	Xã Thanh Hoà	5			Sông Hiếu; Các suối; các hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2ađt2 trước khi lập DA cấp nước
IX	Huyện Như Thanh	27	27	0		Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E2sm, E3-O1hr, T2ađt2 trước khi lập DA cấp nước
1	Xã Xuân Khang	2			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E2sm, qp trước khi lập DA cấp nước
2	Xã Phú Nhuận	3			Hồ Sông Mực; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
3	Xã Xuân Thái	3			Hồ Bần Eri; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E2sm, E3-O1hr, T2ađt2 trước khi lập DA cấp nước
4	Xã Hải Long	4			Hồ Sông Mực; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T3n-rđd, T2ađt trước khi lập DA cấp nước
5	Xã Thanh Tân	3			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T3n-rđd, T2ađt trước khi lập DA cấp nước
6	Xã Yên Thọ	4			Sông Mực; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E2sm, E3-O1hr trước khi lập DA cấp nước
7	Xã Xuân Thọ	4			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E2sm, E3-O1hr trước khi lập DA cấp nước



Số TT
Đơn vị
Số thôn
134,
135
cán XĐ
CTCN

Số xã
thuộc
vùng bị
nhiễm
Asen
>0,05
mg/l

Số xã
thuộc
vùng
nhiễm
mặn,
nguồn
nước quá
xa

Xã thuộc
vùng có
nguồn
nước cạn
kiệt

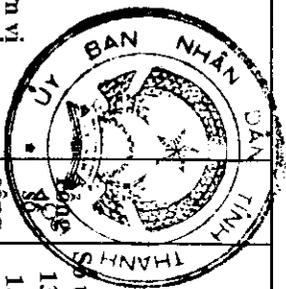
Xã khó khăn về nguồn nước

Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung

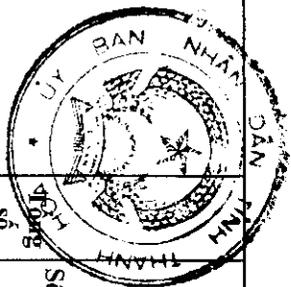
Nước mặt

Nước ngầm

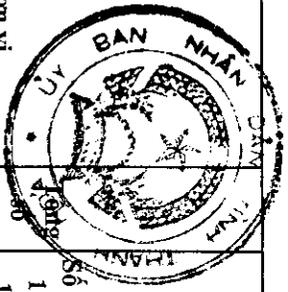
8	Xã Xuân Phúc		4	0	0	Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T3n-rdd trước khi lập DA cấp nước
X	Huyện Thạch Thành	26	26	0	0		
1	Xã Thạch Cẩm		1			Sông Bưởi; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
2	Xã Thạch Sơn		1			Sông Bưởi; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước
3	Xã Thành Mỹ		1			Sông Bưởi; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
4	Xã Thành Công		1			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước
5	Xã Thành Trực		1			Sông Bưởi; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
6	Xã Thành Vinh		1			Sông Bưởi; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
7	Xã Thành Tiến		1			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm
8	Xã Thành Minh		2			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước
9	Xã Thành Tân		1			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước
10	Xã Thạch Lâm		1			Sông Bưởi; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước
11	Xã Thạch Tư-ông		3			Hồ Đông Múc; Các suối, hồ đập tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước
12	Xã Thạch Quảng		2			Sông Bưởi; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước



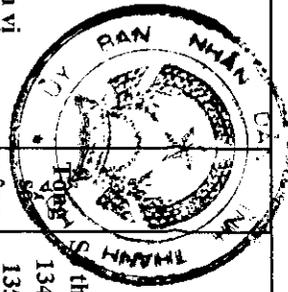
Số TT	Đơn vị	Số thôn 134, 135 cán XD CTCN	Xã khó khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung	
			Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cận kiệt		
	Xã Thành Vân	3				Nước mặt	Mỗi số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước
13	Xã Thành Thọ	3			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề		
14	Xã Thành Yên	4				Nước ngầm	Mỗi số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước
15	Huyện Cẩm Thủy	24	0	0	Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề		
1	Xã Cẩm Châu	2				Nước ngầm	Mỗi số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2bp trước khi lập DA cấp nước
2	Xã Cẩm Long	2			Sông Mã, Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề		
3	Xã Cẩm Liên	1				Nước ngầm	Mỗi số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2bp trước khi lập DA cấp nước
4	Xã Cẩm Tân	2			Sông Mã, Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề		
5	Xã Cẩm Thạch	2				Nước ngầm	Mỗi số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2bp trước khi lập DA cấp nước
6	Xã Cẩm L-rong	1			Sông Mã, Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề		
7	Xã Cẩm Thành	3				Nước ngầm	Mỗi số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2bp trước khi lập DA cấp nước
8	Xã Cẩm Bình	2			Sông Mã, Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề		



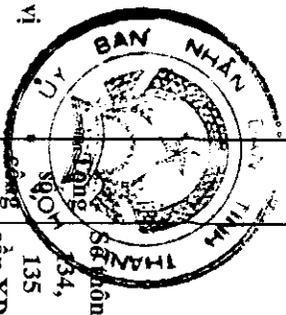
Số TT	Đơn vị	Số thôn 134, 135 cần XD CTCN	Xã khảo Khan về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung	
			Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mặn, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cận kiệt		
9	Xã Cẩm Ngọc	2			Sông Mã; Hồ Thung Bàng; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không khai thác được nước ngầm	
10	Xã Cẩm Giang	3			Sông Mã; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2bp trước khi lập DA cấp nước	
11	Xã Cẩm tú	2			Sông Mã; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: O1ds, C-Pbs trước khi lập DA cấp nước	
12	Xã Cẩm Phú	1			Sông Mã; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không có khả năng khai thác được nước ngầm	
13	Xã Cẩm Quý	1			Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: D2bp trước khi lập DA cấp nước	
XII	Huyện Vinh Lộc	7	0	1	6		
1	Xã Vinh An				1	Sông Mã; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: qp trước khi lập DA cấp nước
2	Xã Vinh Hưng				1	Sông Bưởi; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg, qp trước khi lập DA cấp nước
3	Xã Vinh Thịnh				1	Hồ Đá Kèn; Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Không có khả năng khai thác được nước ngầm
4	Xã Vinh Long				1	Sông Bưởi; Các hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg, qp trước khi lập DA cấp nước
5	Xã Vinh Quang				1	Sông Mã; Các hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg, qp trước khi lập DA cấp nước
6	Xã Vinh Hùng				1	Sông Mã; Các hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg, qp trước khi lập DA cấp nước



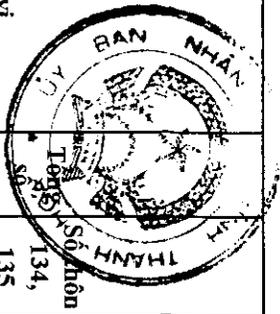
Số TT	Đơn vị	Số thôn 134, 135 cần XD CTCN	Xã khó khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung
			Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mẫn, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt	
7	Xã Vĩnh Phúc		1			Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg, qp trước khi lập DA cấp nước T2adg, qp
XIII	Huyện Thọ Xuân	11	0	5		
1	Xã Thọ Lâm			1	Sông Chu; Kênh chính Bãi Thượng Các hồ nhỏ tại chỗ và gần kê	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: qp trước khi lập DA cấp nước
2	Xã Xuân Phú			1	Sông Chu; Các hồ nhỏ tại chỗ và gần kê	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: P2ct, K2yc trước khi lập DA cấp nước
3	Xã Xuân Thắng			1	Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kê	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: P2ct, K2yc trước khi lập DA cấp nước
4	Xã Xuân Châu			1	Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kê	Không có khả năng khai thác được nước ngầm
5	Xã Quang Phú			1	Các suối, hồ đập nhỏ tại chỗ và gần kê	Không có khả năng khai thác được nước ngầm
6	Xã Thọ Nguyễn			1	Sông Chu; Kênh Bắc Bãi Thượng	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs, qp trước khi lập DA cấp nước
7	Xã Hạnh Phúc			1	Sông Chu; các hồ nhỏ tại chỗ và gần kê	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs, qp trước khi lập DA cấp nước
8	Xã Thọ Hải			1	Sông Chu; Kênh chính Bãi Thượng	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: K2yc, qp trước khi lập DA cấp nước
9	Xã Thọ Trung			1	Sông Chu	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs, qp trước khi lập DA cấp nước



Số TT	Đơn vị	thôn 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000	Xã khó khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung	
			Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt		
10	Xã Xuân Khánh		1		Sông Chu, Kênh Bắc Bái Thượng	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs, qp trước khi lập DA cấp nước	
11	Xã Xuân Vinh		1		Sông Cầu Chày; các hồ nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs, qp trước khi lập DA cấp nước	
XIV	Huyện Triệu Sơn	9	0	2	0	7	
1	Xã Tân Ninh					1	Sông Nhôm; Kênh Nam Bái Thượng; các hồ nhỏ tại chỗ
2	Xã Nông Tr-ường					1	Sông Nhôm; Kênh Nam Bái Thượng
3	Xã Triệu Thành					1	Các hồ, đập nhỏ tại chỗ và gần kề
4	Xã Thọ Bình					1	Các hồ, đập nhỏ tại chỗ và gần kề
5	Xã Thọ Sơn					1	Các hồ, đập nhỏ tại chỗ và gần kề
6	Xã Bình Sơn					1	Các hồ, đập nhỏ tại chỗ và gần kề
7	Xã Thọ Ngọc			1			Sông Hoàng; các hồ nhỏ tại chỗ
8	Xã Thọ Phú			1			Sông Hoàng; Kênh Nam Bái Thượng
9	Xã Thọ Dân					1	Sông Hoàng; các hồ nhỏ tại chỗ
XV	Huyện Hà Trung	6	0	0	0	6	
1	Xã Hà Long					1	Các suối, các hồ, đập nhỏ tại chỗ và gần kề
2	Xã Hà Đông					1	Sông Lèn



Số TT	Đơn vị	Số thôn vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng bị nhiễm mẫn, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cần kiệt	Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung	
					Nước mặt	Nước ngầm
3	Xã Hà Tiên			1	Sông Nam Bào, các hồ, nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs trước khi lập DA cấp nước
4	Xã Hà Sơn			1	Sông Lèn, các hồ, nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: Olds trước khi lập DA cấp nước
5	Xã Hà Lĩnh			1	Sông Lèn, các hồ, nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: Olds trước khi lập DA cấp nước
6	Xã Hà Tân			1	Sông Man Bào, các hồ, nhỏ tại chỗ và gần kề	Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: C-Pbs trước khi lập DA cấp nước
XVI	Huyện Tĩnh Gia	7	0	7	0	
1	Xã Hải Ninh		1		Lấy nước từ xa: Từ Hồ Bông Bông, kênh Bắc Yên Mỹ	Chi khai thác nước ngầm trong tầng qp và qh2 với lưu lượng nhỏ phục vụ nhu cầu cục bộ, phân tán
2	Xã Hải Châu		1			
3	Thanh Sơn		1		Lấy nước từ xa: Từ Hồ Bông Bông, kênh Bắc Yên Mỹ	
4	Xã Hải An		1			
5	Xã Ninh Hải		1			
6	Xã Hải Lĩnh		1		Lấy nước từ xa: Từ Hồ Bông Bông, hồ Hao Hao, hồ Khe Rằm, kênh Nam	
7	Xã Hải Hoà		1			
XVII	Huyện Quảng Xương	10	0	10	0	
1	Xã Quảng Thạch		1			
2	Xã Quảng Lợi		1			
3	Xã Quảng Nhâm		1			



Số TT	Đơn vị	công trình	cần XD CTCN	Xã khó khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung
				Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt	
4	Xã Quảng Chính			1			Nước ngầm
5	Xã Quảng Trung			1			Nước ngầm có độ mặn vượt quá tiêu chuẩn cho phép đối với nước sinh hoạt
6	Xã Quảng Thái			1			
7	Xã Quảng Hải			1			
8	Xã Quảng Vòng			1			
9	Xã Quảng Ngọc			1			
10	Xã Quảng Trư-ông			1			
XVIII	Huyện Hậu Lộc	10	0	2	7	1	
1	Xã Đa Lộc			1			Lấy nước từ xa: Từ Sông Lèn, sông Trà Giang
2	Xã Hưng Lộc			1			
3	Xã Hải Lộc			1			
4	Xã Minh Lộc			1			Lấy nước từ xa: Từ Sông Lèn, sông Trà Giang
5	Xã Hoa Lộc			1			
6	Xã Phú Lộc			1			Lấy nước từ xa: Từ Sông Lèn, sông Trà Giang
7	Xã Hòa Lộc			1			
8	Xã Tiến Lộc					1	Kênh dẫn của trạm bơm Châu Lộc, hồ nhỏ tại chỗ
9	Xã Lộc Tân			1			Sông Trà Giang
10	Xã Châu Lộc			1			Sông Lèn

Chỉ khai thác nước ngầm trong tầng qp và qh2 với lưu lượng nhỏ phục vụ nhu cầu cấp nước cục bộ, phân tán

Mỗi số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E3-O1hr trước khi lập DA cấp nước

Mỗi số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: qp trước khi lập DA cấp nước

Mỗi số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: E3-O1hr, O1ds trước khi lập DA cấp nước



Số TT	Đơn vị	Số thôn 134, 135 cán XD trình CTCN	Xã khó khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung	Nước ngầm
			Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt		
1	Xã Nga Tiến		1				Chỉ khai thác nước ngầm trong tầng qh2, qp với lưu lượng nhỏ phục vụ nhu cầu cấp nước cục bộ, phân tán
2	Xã Nga Tân		1				
3	Xã Nga Liên		1				
4	Xã Nga An		1				
5	Xã Nga Điền		1				
6	Xã Nga Thái		1				
7	Xã Nga Phú		1				
8	Xã Nga Thủy		1				
9	Xã Nga Bạch		1				
10	Xã Nga Thach		1				
11	Xã Nga Nhân		1				
12	Xã Nga Thiện			1			
13	Xã Nga Hải		1				
14	Xã Nga Yên		1				
15	Xã Nga Vinh				1		
16	Xã Ba Đình				1		
17	Xã Nga Tháng				1		
18	Xã Nga Linh				1		
XXI	Huyện Thiệu Hóa	13	0	13	0		
1	Xã Thiệu Tâm		1				

Lấy nước từ xa: Từ sông Hoat, Kênh dẫn của trạm bơm Xa Loan

Lấy nước từ xa: Từ sông Hoat, Kênh dẫn của trạm bơm Xa Loan

Lấy nước từ xa: Từ sông Lèn, Kênh dẫn của trạm bơm Xa Loan

Lấy nước từ xa: Từ sông Hoat, Kênh dẫn của trạm bơm Xa Loan

Sông Hoat

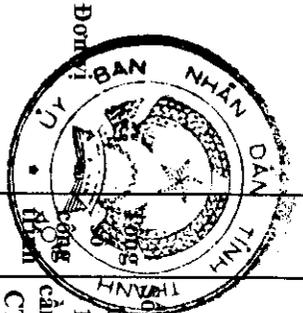
Sông Hoat, sông Lèn

Sông Chu, Kênh Bắc Bái Thượng

Nước mặt

Nước ngầm

Một số vị trí trong từng xã có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng qp

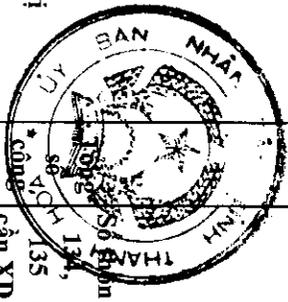


Số TT	Xã	Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mẫn, nguồn nước qua xã	Xã thuộc vùng có nguồn nước cần kiệt	Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung	
					Xã khó khăn về nguồn nước	Nước ngầm
2	Xã Thiệu Minh	1				
3	Xã Thiệu Toán	1				
4	Xã Thiệu Tân	1			Sông Chu	
5	Xã Thiệu Giang	1			Sông Mã	
6	Xã Thiệu Quang	1				
7	Xã Thiệu Duy	1				
8	Xã Thiệu Nguyễn	1				
9	Xã Thiệu Thịnh	1				
10	Xã Thiệu Vân	1				
11	Xã Thiệu Đô	1				
12	Xã Thiệu Ngọc	1			Sông Chu	
13	Xã Thiệu Dương	1			Sông Mã	
XXII	Huyện Yên Định	3	0	4		
1	Xã Định Long			1		
2	Xã Định Liên			1		
3	Xã Định Tân			1	Sông Mã	
4	Xã Định Tiến	1				
5	Xã Định Thành	1				
	Xã Định Hưng	1				
6	Xã Yên Lâm			1	Sông Mã, hồ Thăng Long	
XXIII	Huyện Đông Sơn			7		

Một số vị trí trong từng xã có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: qđ trước khi lập DA cấp nước

Một số vị trí có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: T2adg trước khi lập DA cấp nước

Chỉ khai thác nước ngầm trong tầng qđ với lưu lượng nhỏ phục vụ nhu cầu cấp nước cục bộ, phân tán



Số TT	Đơn vị	Xã khó khăn về nguồn nước			Dự kiến nguồn nước có thể khai thác cho cấp nước tập trung	
		Số xã thuộc vùng bị nhiễm Asen >0,05 mg/l	Số xã thuộc vùng nhiễm mangan, nguồn nước quá xa	Xã thuộc vùng có nguồn nước cạn kiệt		
1	Xã Đông Tiến			1	Kênh Bắc Bái Thượng, kênh Nhà Lê	Một số vị trí trong từng xã có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: qp trước khi lập DA cấp nước
2	Xã Đông Khê			1		
3	Xã Đông Yên			1	Lấy nước từ xa: Kênh Bắc Bái Thượng, Sông Hoàng	Một số vị trí trong từng xã có thể thăm dò đánh giá nguồn nước trong hệ tầng: qp trước khi lập DA cấp nước
4	Xã Đông Văn			1		
5	Xã Đông Hòa	1				
6	Xã Đông Tân	1			Lấy nước từ xa: Kênh Bắc Bái Thượng, Sông Hoàng	
7	Xã Đông Hoàng	1				
8	Xã Đông Thanh	1				
9	Xã Đông Vinh	1			Kênh Bắc Bái Thượng	
10	Xã Đông Phú			1		
11	Xã Đông Quang			1		
12	Xã Đông Thịnh			1	Huyện Nông Công	
XXIV		11	0	6		
1	Xã Trư-ông Sơn		1		Lấy nước từ xa: Sông Mực, Kênh Nam Bái Thượng	Nước ngầm có lưu lượng nhỏ, nhiều giếng có độ mặn vượt quá tiêu chuẩn cho phép
2	Xã Trường Giang	1				
3	Xã Tương Văn		1		Lấy nước từ xa: Sông Mực, Kênh Bắc Bái Thượng	
4	Xã Tương Lĩnh		1			
5	Xã Minh Khôi		1		Lấy nước từ xa: Sông Mực, Kênh Bắc Bái Thượng	
6	Xã Tế Thắng			1		
7	Xã Tế Lợi			1	Sông Nhôm, Kênh Bắc Hồ Đông Lớn	
8	Xã Trung Ý			1		

